

Số: 33/BC-ĐCM

Cầm Phả, ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022

Kính gửi: Quý vị Cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 28 tháng 4 năm 2022;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Đồng VN

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2022	01/01/2022
*	TÀI SẢN		259.175.718.431	275.248.234.550
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	189.668.393.766	182.820.294.131
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.416.689.034	1.818.133.931
1	Tiền	111	2.416.689.034	1.818.133.931
2	Các khoản tương đương tiền	112		
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	179.900.288.388	174.872.577.466
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	165.620.372.373	165.228.065.602
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	76.459.519	328.639.529
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	14.335.300.184	9.447.716.023
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(131.843.688)	(131.843.688)

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2022	01/01/2022
IV	Hàng tồn kho	140	4.525.154.118	3.724.727.235
1	Hàng tồn kho	141	4.525.154.118	3.724.727.235
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	2.826.262.226	2.404.855.499
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.357.176.564	2.364.025.856
2	Thuế và các khoản phải thu NN	152	469.085.662	40.829.643
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	69.507.324.665	92.427.940.419
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	30.698.744	26.206.481
1	Phải thu dài hạn khác	216	30.698.744	26.206.481
2	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II	Tài sản cố định	220	52.168.449.049	81.722.305.408
1	Tài sản cố định hữu hình	221	49.718.762.099	78.941.616.266
-	Nguyên giá	222	266.927.622.341	319.720.326.289
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(217.208.860.242)	(240.778.710.023)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
3	Tài sản cố định vô hình	227	2.449.686.950	2.780.689.142
-	Nguyên giá	228	5.825.299.843	5.824.628.727
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229	(3.375.612.893)	(3.043.939.585)
III	Bất động sản đầu tư	230		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	46.111.310	2.658.000
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	46.111.310	2.658.000
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
2	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
VI	Tài sản dài hạn khác	260	17.262.065.562	10.676.770.530
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	17.262.065.562	10.676.770.530
*	NGUỒN VỐN		259.175.718.431	275.248.234.550
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	145.395.274.845	164.163.371.915
I	Nợ ngắn hạn	310	145.395.274.845	154.111.513.425
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	28.118.347.716	28.909.889.354



TT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2022	01/01/2022
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11.056.873.742	10.983.007.383
4	Phải trả người lao động	314	26.666.581.699	25.195.641.568
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	227.477.350	303.362.142
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	8.533.569.328	8.486.883.841
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	70.524.753.915	63.573.032.762
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	267.671.095	16.659.696.375
II	Nợ dài hạn	330	-	10.051.858.490
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.051.858.490
D	NGUỒN VỐN SỞ HỮU	400	113.780.443.586	111.084.862.635
I	Vốn chủ sở hữu	410	113.780.443.586	111.084.862.635
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	108.000.000.000	108.000.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	108.000.000.000	108.000.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	399.573.116	399.573.116
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.380.870.470	2.685.289.519
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.380.870.470	2.685.289.519
5	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1	Nguồn kinh phí	431		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		

805
 TY
 AN
 MC
 QUANG

Phần thứ hai:
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: ĐồngVN

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2022	Năm 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	331.947.548.105	282.645.387.617
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	331.947.548.105	282.645.387.617
4	Giá vốn hàng bán	11	284.574.316.191	244.667.591.380
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	47.373.231.914	37.977.796.237
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	10.371.318	8.580.680
7	Chi phí tài chính	22	2.236.362.708	2.304.249.146
-	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.236.362.708	2.304.249.146
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9	Chi phí bán hàng	25	-	-
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38.694.440.180	32.623.282.045
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	6.452.800.344	3.058.845.726
12	Thu nhập khác	31	676.297.123	1.319.249.762
13	Chi phí khác	32	281.799.503	725.239.757
14	Lợi nhuận khác	40	394.497.620	594.010.005
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.847.297.964	3.652.855.731
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.466.427.494	967.566.212
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.380.870.470	2.685.289.519
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	350	249

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS ;
- ĐU, CĐ, ĐTN;
- GD, Các PGĐ, KTT;
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Khấn

Số: 331 / TTr-ĐCM

Cám Phả, ngày 29 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước về việc phân phối lợi nhuận:

- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ công văn số /TKV- KS ngày tháng năm 2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh, lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty, Hội đồng Quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Ghi chú
I	Lợi nhuận trước thuế	6.847.297.964	
1	Trích nộp thuế TNDN	1.466.427.494	
II	Lợi nhuận sau thuế	5.380.870.470	
1	Chia cổ tức: 2,0% vốn điều lệ	2.160.000.000	KH>=2,0%
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích khoản 1:	3.220.870.470	
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển:	0	
2.2	Quỹ thưởng Người quản lý Công ty: 1,5 tháng lương	174.000.000	DN xếp loại A
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.046.870.470	



STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Ghi chú
-	Quỹ khen thưởng (50%)	1.523.435.235	
-	Quỹ phúc lợi (50%)	1.523.435.235	

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS ;
- ĐU, CĐ, ĐTN;
- GD, Các PGĐ, KTT;
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Khấn



Số: 33 /BC-ĐCM

Cẩm Phá, ngày 19 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Về việc chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022; Kế hoạch chi trả năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

1. Chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2022 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm 2022 của Công ty với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2022 được chi trả như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (trđ)	Trong đó:	
				Lương (trđ)	Thù lao (trđ)
1	Hội đồng Quản trị	5	326,304		326,304
	- Chủ tịch HĐQT	1	74,016		74,016
	- TV. HĐQT	4	252,288		252,288
2	Ban Kiểm soát	3	192,096		192,096
	- Trưởng ban	1	65,952		65,952
	- TV. BKS	2	126,144		126,144
	Tổng số		518,400		518,400



2. Đề xuất mức chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023 đã được TKV thông qua tại văn bản số 79/TKV-KH ngày 10/01/2023, Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 và Quy chế quản lý lao động và tiền lương ban hành kèm theo quyết định số 685/QĐ-TKV ngày 23/4/2019 của TKV để xây dựng tiền lương, mức thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2023 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương (trđ)	Thù lao (trđ)	
1	Hội đồng Quản trị	05	407,880		407,880	
-	Chủ tịch HĐQT	01	92,520		92,520	
-	Thành viên HĐQT	04	315,360		315,360	
2	Ban Kiểm soát	03	240,120		240,120	
-	Trưởng ban kiểm soát	01	82,440		82,440	
-	TV. Ban kiểm soát	02	157,680		157,680	
	Tổng số		648,000		648,000	

Trong đó: Thù lao 1 tháng:

- + Chủ tịch HĐQT được tính = $25.700.000đ \times 1,5 \times 0,2 = 7.710.000đ$
- + Thành viên HĐQT được tính = $21.900.000đ \times 1,5 \times 0,2 = 6.570.000đ$
- + Trưởng ban Kiểm soát được tính = $22.900.000đ \times 1,5 \times 0,2 = 6.870.000đ$
- + TV Ban kiểm soát được tính = $21.900.000đ \times 1,5 \times 0,2 = 6.570.000đ$

Phương thức chi trả:

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, Ban lãnh đạo điều hành Công ty được tạm ứng không quá 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.
- Mức thù lao và tiền lương nêu trên thay đổi khi pháp luật và Tập đoàn có quy định khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

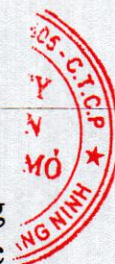
Nơi nhận:

- HĐQT, BKS ;
- ĐU, CĐ, ĐTN;
- GD, Các PGD, KTT;
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Khấn



Số: 292/BC-BKS

Cám Phả, ngày 2 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 - Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 ; Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Địa chất mỏ -TKV

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ -TKV.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 các nội dung như sau:

I. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và hàng quý đã triển khai kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các quy định của Nhà nước;

- Giám sát hoạt động của Giám đốc công ty thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT;

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2022; Xem xét việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ, cơ chế, quy định nội bộ của Công ty Trong năm 2022 phù hợp với quy định hiện hành của TKV và nhà nước;

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, báo cáo tài chính năm 2022; Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2023; Các báo cáo tình hình kinh doanh và một số báo cáo khác của công ty; Kiểm soát các lĩnh vực quản lý tài chính công nợ, vật tư, đầu tư, sửa chữa lớn, thanh lý TSCĐ, công tác quản lý lao động, tiền lương,.. Sau mỗi kỳ kiểm soát đều có biên bản làm việc nêu các ý kiến kiến nghị, cảnh báo hoặc trao đổi trực tiếp với Lãnh đạo và phòng chuyên môn có liên quan để Công ty hoàn thiện, rút kinh nghiệm;

- Các thành viên Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT; các cuộc họp của công ty để nắm bắt kịp thời các thông tin và giải quyết các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của BKS. Tại các cuộc họp BKS đều có ý



kiến đóng góp kịp thời và thực hiện giám sát HĐQT thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022.

- Thực hiện lựa chọn danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC hàng năm của Công ty để trình ĐHCĐ thông qua; Phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về nội dung kết luận kiểm toán; Giám sát Công ty thực hiện các kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra; các kết luận thanh kiểm tra của các đoàn kiểm tra khác (nếu có);

- Thực hiện lập các báo cáo định kỳ theo quy định đối với BKS báo cáo trước ĐHCĐ và cổ đông lớn (Tập đoàn TKV) đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

Đánh giá chung: Trong năm 2022, Các thành viên Ban kiểm soát luôn bám sát chức năng nhiệm vụ của mình, linh hoạt áp dụng các hình giám sát trực tiếp/gián tiếp để giám sát các hoạt động của Công ty nhằm phát hiện cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn, góp phần đảm bảo cho hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ quy định của cấp trên, Nhà nước. Năm 2022 Ban kiểm soát công ty đã thực hiện hoàn thành chức năng nhiệm vụ theo quy định.

Hạn chế: Nhân sự BKS chủ yếu là kiêm nhiệm do vậy việc thực hiện kiểm soát một số lĩnh vực quản lý chuyên sâu đôi khi chưa được kết quả như mong muốn.

II. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Giám đốc công ty năm 2022:

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:

Năm 2022 Hội đồng quản trị công ty đã thường xuyên chỉ đạo các hoạt động của công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết phù hợp với tình hình thực tế của công ty, để sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, mang lại hiệu quả cho Công ty và các Cổ đông.

Đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 đầy đủ nội dung theo quy định. Sau đại hội đã sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty.

Trong năm Hội đồng Quản trị đã thực hiện 25 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành 19 Nghị quyết; 17 Quyết định ban hành các quy chế, quyết định liên quan đến công tác tổ chức LĐTL, quy hoạch cán bộ, công tác tái cơ cấu, sắp xếp cán bộ, bổ sung ngành nghề kinh doanh; Công tác tài chính, kế hoạch/ điều chỉnh: kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư XD CB năm 2022, thanh xử lý TSCĐ và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị.

Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc công ty triển khai thực hiện.

Các Biên bản họp, Nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành hợp lệ đúng thẩm quyền.

+ Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ và đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Chủ tịch HĐQT công ty thực hiện chế độ báo cáo của người đại diện phần vốn tại công ty về TKV kịp thời, đầy đủ theo quy định.

Đánh giá chung: năm 2022 HĐQT đã thực hiện đúng theo quyền hạn, chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Giám đốc Công ty:

- Giám đốc và Ban giám đốc đã bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Điều lệ hoạt động của Công ty, các quy chế quy định quản trị nội bộ để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả, nhằm đảm bảo mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các Cổ đông của công ty.

- Giám đốc công ty đã chỉ đạo các phòng chức năng xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ để ban hành về công tác tổ chức, công tác giao khoán, các quy định về quản lý nội bộ phù hợp và đưa ra những giải pháp hợp lý trong điều hành và tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình hoạt động của công ty trong từng giai đoạn để sản xuất kinh doanh năm 2022 có hiệu quả.

- Thực hiện đúng quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch.

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022

Căn cứ kết quả thẩm tra báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan, Ban kiểm soát xác nhận số liệu thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 do HĐQT, Giám đốc điều hành so với Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % Thực hiện/ NQ năm 2022
1. Chỉ tiêu hiện vật:				
- Khoan TD	mét	64.500	53.494	82,9
- Khảo sát	ha	17.300	17.745	102,6
2. Doanh thu	Tỷ.đồng	315.500	331.948	105,2
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	6.250	6.847	109,6
4. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	≥ 2	2,0	100,0
5. ĐTXDCB (KHĐC)	Tỷ.đồng	9.774,6	8.381,8	85,7
6. Lao động bình quân	Người	745	669	89,8
7. Tiền lương bq/người/tháng	1000đ	9.723	11.708	120,4

Nhận xét: Trong năm 2022 các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt kế hoạch và nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra: Doanh thu đạt 105,2%; Lợi nhuận đạt: 109,6%; Đầu tư XDCB đạt 85,7%; Tiền lương bình quân đạt 11.708 ngàn đồng/ng/th bằng 120,4 % NQĐHĐCĐ; Tỷ lệ chi trả cổ tức nếu được ĐHĐCĐ thông qua 2% chỉ đạt 100% KH.



4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty, đã phối hợp cung cấp tài liệu theo yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Năm 2022 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của công ty về việc liên quan đến HĐQT và Ban giám đốc điều hành.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và giám sát các mặt hoạt động quản lý của HĐQT, Ban giám đốc điều hành công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV Trong năm 2023. Ban kiểm soát công ty báo cáo Đại hội.

III. Đề xuất kiến nghị và phương hướng nhiệm vụ năm 2022

1. Tổng hợp các kiến nghị của Ban kiểm soát:

Trong năm 2022 Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm soát hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2022. BKS đã tổ chức họp sáu (6) phiên để thống nhất các nội dung về kế hoạch kiểm soát, kết quả kiểm soát hàng quý, năm và các nội dung khác thuộc nhiệm vụ của BKS;

Thông qua kết quả kiểm soát tại Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV về hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022. Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty về cơ bản đã thực hiện theo quy định. Trong năm 2022 Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐH đồng cổ đông, đã bảo toàn được vốn, có lợi nhuận sau thuế TNDN là 5.381 triệu đồng.

Một số ý kiến Ban kiểm soát lưu ý Công ty:

- Đối với vật tư chậm luân chuyển tại Công ty và Chi nhánh XN ĐC ĐT, đề nghị Công ty có phương án xử lý để tránh ứ đọng vốn.

- Công ty cần thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật, để điều chỉnh bổ sung các định mức cho phù hợp (nếu có) nhằm đảm bảo quy định của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, hiện nay là Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính;

- Công ty chủ động rà soát lại toàn bộ diện tích đất đai đang sử dụng, không có nhu cầu sử dụng, hợp đồng thuê đất, thời hạn nộp/tạm nộp tiền thuê đất,... (nếu có) theo các văn bản chỉ đạo của TKV và quy định của địa phương nhằm đảm bảo việc thực hiện việc quản lý đất đai theo đúng quy định của Luật đất đai;

2. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2023:

*** Phương hướng chung:**

- Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động của HĐQT, BGĐ; hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật DN, điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của BKS;

- Các thành viên ban kiểm soát cần có kế hoạch sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để dành thời gian hơn nữa trong việc giám sát một số lĩnh vực theo chuyên đề.

***Một số nhiệm vụ trọng tâm:**

(1). Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do HĐQT Công ty ban hành;

(2). Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Giám đốc Công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;

(3). Xây dựng kế hoạch, chương trình để thực hiện kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty hàng quý, năm 2023 và các báo cáo khác về hoạt động SXKD của Công ty, xem xét các biên bản, báo cáo kiểm toán của các Công ty kiểm toán độc lập;

(4). Xem xét, kiểm tra việc ban hành hệ thống Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty;

(5). Thực hiện giám sát hàng năm theo một số chuyên đề về việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, quản lý đầu tư, vật tư, công nợ, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, sửa chữa TSCĐ,.. phù hợp từng quý theo kế hoạch;

(6). Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác...);

(7). Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ công ty và tình hình sản xuất kinh doanh cụ thể trong năm 2023 để có định hướng, chuyên đề kiểm soát khác phù hợp (nếu có).

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (B/c);
- Lưu VT, BKS.

T.M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Lê Thị Kim Dung



Số: 299 /BC-BKS

Cầm Phá, ngày 23 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ -TKV

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Địa chất mỏ -TKV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Địa chất mỏ -TKV.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ -TKV như sau:

1. Công tác hạch toán kế toán:

- Việc ghi chép, hạch toán kế toán được thực hiện đúng theo Chế độ kế toán của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/1/2017 của Tập đoàn TKV v/v Quy định tạm thời về biểu mẫu Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị áp dụng trong TKV.

- Theo ý kiến của Ban kiểm soát, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2022 của Công ty CP Địa chất mỏ -TKV. Báo cáo tài chính năm 2022 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Về số liệu báo cáo tài chính năm 2022:

Ban Kiểm soát công ty thống nhất với số liệu báo cáo tài chính của Công ty năm 2022 do Công ty lập và đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán tại báo cáo số 59/2023/BCKT-PKFFVN ngày 09/3/2023. Cụ thể:

2.1 Số liệu Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2022 như sau:

ĐVT: VN đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	I	2
A	Tài sản ngắn hạn	100	189.668.393.766	182.820.294.131
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.416.689.034	1.818.133.931
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		

3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	179.900.288.388	174.872.577.466
4	Hàng tồn kho	140	4.525.154.118	3.724.727.235
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	2.826.262.226	2.404.855.499
B	Tài sản dài hạn	200	69.507.324.665	92.427.940.419
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	30.698.744	26.206.481
2	Tài sản cố định	220	52.168.449.049	81.722.305.408
	Tài sản cố định hữu hình	221	49.718.762.099	78.941.616.266
	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	Tài sản cố định vô hình	227	2.449.686.950	2.780.689.142
3	Bất động sản đầu tư	230		
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	46.111.310	2.658.000
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250		
6	Tài sản dài hạn khác	260	17.262.065.562	10.676.770.530
	Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	270	259.175.718.431	275.248.234.550
C	Nợ phải trả	300	145.395.274.845	164.163.371.915
1	Nợ ngắn hạn	310	145.395.274.845	154.111.513.425
2	Nợ dài hạn	330		10.051.858.490
D	Vốn chủ sở hữu	400	113.780.443.586	111.084.862.635
I	Vốn chủ sở hữu	410	113.780.443.586	111.084.862.635
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	108.000.000.000	108.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	108.000.000.000	108.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	399.573.116	399.573.116
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.380.870.470	2.685.289.519

	- LNST chưa PP kỳ này	421b	5.380.870.470	2.685.289.519
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
	Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	259.175.718.431	275.248.234.550

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022:

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2022
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	331.947.548.105
2. Các khoản giảm trừ Doanh thu	2	VII.2	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		331.947.548.105
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	284.574.316.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		47.373.231.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	10.371.318
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VII.5	2.236.362.708
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.236.362.708
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8a	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8b	38.694.440.180
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.452.800.344
11. Thu nhập khác	31	VII.6	676.297.123
12. Chi phí khác	32	VII.7	281.799.503
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		394.497.620
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.847.297.964
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VII.10	1.466.427.494
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	VII.11	5.380.870.470
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		498
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		



3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2022:

Năm 2022 các chỉ tiêu lợi nhuận, khả năng thanh toán nợ của Công ty đều đạt và vượt chỉ tiêu phê duyệt của HĐQT và thông báo của TKV:

- Lợi nhuận 6.847 triệu đồng /KH 6.250 triệu đồng tăng so kế hoạch 9,55% so với kế hoạch đầu năm;

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 1,30 lần, so KH 1,11 lần, tăng 0,19 lần. So với năm 2021 (1,19 lần) tăng 0,11 lần.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 1,28 lần so KH 1,60 lần, giảm 0,32 lần. So với năm 2021 (1,33 lần) giảm là 0,05 lần.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): Thực hiện năm 2022 là 6,09 %, so với năm 2021 (3,25 %) tăng 2,84 %

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): Thực hiện năm 2022 là 2,562 % , so với năm 2021 (1,181 %) tăng (1,382)%;

Năm 2022 Công ty đã bảo toàn được vốn: Vốn chủ sở hữu cuối năm: 113.780.443.586 đồng, trong đó: Vốn điều lệ 108.000.000.000 đồng. Quỹ ĐTPT: 399.573.116 đồng; Lợi nhuận sau thuế năm 2022 chưa phân phối: 5.380.870.470 đồng.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng Cổ đông công ty./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ (B/c);
- Lưu VT, BKS.

T.M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Lê Thị Kim Dung

Số: 290 /TTr-BKS

Cám Phá, ngày 22/ tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính
của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Địa chất mỏ -TKV

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Địa chất mỏ -TKV;
Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Địa chất mỏ -TKV;
Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty kiểm toán đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023.
- Là công ty kiểm toán độc lập có uy tín về chất lượng kiểm toán, có nhiều kinh nghiệm kiểm toán lĩnh vực hoạt động của TKV và Công ty; Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập đề xuất:

- (1) Công ty TNHH PKF Việt Nam, có Trụ sở chính: Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- (2) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, có Trụ sở chính: Số 01- Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- (3) Công ty TNHH Kiểm toán VACO, có Trụ sở chính Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Với các tiêu chí và danh sách đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Địa chất mỏ -TKV thông qua và giao cho Giám đốc công ty tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán, ký kết hợp đồng kiểm toán để tổ chức thực hiện theo quy định.

Kính trình và xin ý kiến Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ (B/c;
- Lưu VT, BKS.

T.M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Lê Thị Kim Dung